| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHỢ GẠO**<br>**TỈNH TIỀN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh G** |

Bản án số: 67/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 11/02/2025
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Đỗ Thị Tuyết Hạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Thế Tụng

2. Ông Trần Văn Bé Ba

***- E ký phiên tòa*:** Bà Cao Thị Thuỳ Trang - E ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo:*** Ông Võ Hồng Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 502/2024/TLST-HN ngày 31/10/2024 về việc tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 279/2024/QĐXX – ST ngày 27 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 13/2024/QĐST – DS ngày 20/01/2025 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Nguyễn Thị T – sinh năm: 1988;

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

***Bị đơn:** Võ Tấn L - sinh năm: 1985;

Địa chỉ: ấp C, xã D, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Chị T có đơn xin vắng mặt;

Anh L vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN**:

**** Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị T trình bày:***

- Về tình cảm: Tôi và anh L sống chung và cưới nhau vào 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Quá trình chung sống thì thời gian đầu hạnh G nhưng đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẩn. Nguyên nhân mâu thuẩn là do cả hai không phù hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dù chúng tôi đã cố gắng hoà hợp nhưng vẫn không thể hàn gắn được. Chúng tôi đã ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Nay tôi không còn tình cảm với anh L nên tôi yêu cầu được ly hôn với anh L.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Nguyễn Anh E – sinh ngày 11/3/2011 và Võ Nguyễn Tấn G – sinh ngày 05/12/2013. Hiện nay 02 con đang sống chung với tôi. Khi ly hôn tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Bị đơn Võ Tấn L đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không gửi ý kiến cho Toà án.***

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phát biểu quan điểm:***

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, E ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Võ Tấn L. Giao cháu E và cháu G cho chị T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

**[1]** Chị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh L, do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Xin ly hôn" theo quy định tại Điều 51 và Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

**[2]** Do anh L Eòng trú tại: ấp C, xã D, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang nên căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Chị T có đơn xin vắng mặt nên Toà án căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

Anh L đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiếng hành xét xử vắng mặt anh L.

**[3]** Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử xét thấy: chị T trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do cả hai không phù hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dù đã cố gắng hoà hợp nhưng vẫn không thể hàn gắn được, nay chị yêu cầu ly hôn với anh L. Còn anh L đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, từ đó cho thấy anh không còn tình cảm với chị T, không muốn hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

**[4]** Về con chung: có 02 con chung tên Võ Nguyễn Anh E – sinh ngày 11/3/2011 và Võ Nguyễn Tấn G – sinh ngày 05/12/2013. Xét thấy, hiện nay cháu E và cháu G đang sống chung với chị T, hai cháu có nguyện vọng sống chung với chị T nên để đảm bảo cho hai cháu phát triển ổn định về mặt vật chất lẫn tinh thần, do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T về con chung, giao cháu E và cháu G cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[5]** Về tài sản chung: chị T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**[6]** Về nợ chung: chị T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**[7]** Về án phí: Chị T là người nộp đơn khởi kiện xin ly hôn, do đó, chị T sẽ chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

**[8]** Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

**[9]** Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

**Xử:**

**1.** Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T. Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Võ Tấn L.

**2.** Về con chung: Giao con chung là cháu Võ Nguyễn Anh E – sinh ngày 11/3/2011 và Võ Nguyễn Tấn G – sinh ngày 05/12/2013 cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục nuôi dưỡng.

+ Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu.

+ Người nào không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn, không ai được quyền ngăn cản.

**3.** Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí, lệ phí theo biên lai thu số 0008157 ngày 30/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Xem như chị T đã thực hiện xong.

**4.** Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Còn đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- UBND xã D, CG,TG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Tuyết Hạnh**